UBND TỈNH AN GIANG **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07 /GPMT-SNNMT	*An Giang, ngày 18 tháng 12 năm 2025*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP tại Văn bản số 699.1/2025/VGR-BQLAG ngày 28/11/2025 về việc chỉnh sửa hoàn thiện và đề nghị cấp giấy phép môi trường của "Trung tâm thương mại và Nhà phố Vincom Rạch Giá";

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang tại Tờ trình số 116/TTr-CCBVMT ngày 17/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho cho Tập đoàn Vingroup - Công ty CP, địa chỉ tại số 7 đường Bằng Lăng 1, khu đô thị Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của "Trung tâm

thương mại và Nhà phố Vincom Rạch Giá" tại lô A12, đường Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm thương mại và Nhà phố Vincom Rạch Giá.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A12, đường Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101245486 đăng ký lần đầu, ngày 03/5/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 73, ngày 09/01/2024, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0101245486

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu trung tâm thương mại, dịch vụ và nhà ở thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích: 37.755,1 m^2, bao gồm: Đất ở 4.999,6 m^2; đất công trình công cộng 5.011,6 m^2; đất công viên cây xanh 19.570,0 m^2; đất sân nền công trình 1.468,2 m^2 và đất giao thông nội bộ 6.705,7 m^2.

- Nhóm dự án: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất hoạt động:

+ Trung tâm thương mại Vincom Rạch Giá: 05 tầng nổi và 01 tầng hầm, diện tích 5.011,6 m^2.

+ Nhà ở thương mại (nhà phố Shophouse): 04 khối nhà, 57 lô, mỗi lô 77-150 m^2, cao 3,5 tầng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tập đoàn Vingroup - Công ty CP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 18 tháng 12 năm 2035).

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và các giấy phép môi trường thành phần của cơ sở hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang, Chủ tịch ủy ban nhân dân phường Rạch Giá tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- GĐ và các PGĐ Sở NN&MT;
- Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (01 bản);
- UBND phường Rạch Giá;
- Phòng Pháp chế;
- Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang;
- Cổng thông tin điện tử Sở NN&MT;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, ttluong (02 bản).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Lê Hữu Toàn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

+ Khu vực Trung tâm thương mại, lưu lượng tối đa 110 m^3/ngày đêm.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu ẩm thực, nhà hàng.

- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động rửa tay, vệ sinh sàn…

+ Khu vực Shophouse, lưu lượng tối đa 35 m^3/ngày đêm.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh.

- Nguồn số 02: Nước thải tắm giặt, rửa tay...

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước chung của khu vực dọc theo tuyến đường Cô Bắc.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Hố ga trên cống thoát nước chung Lô A12 với đường Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1106197; Y = 563496 *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $104^0 30'$, múi chiếu 3^0).*

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 145 m^3/ngày.đêm, 6,04 m^3/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau xử lý từ 02 hệ thống xử lý nước thải được gom chung vào đường ống PVC D300 chảy ra cống thoát nước chung, chiều dài 56 m.

- Phương thức xả nước thải: Bơm.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn theo hoạt động của phao bơm.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung cột B, Bảng 2, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng*	Không thuộc đối tượng
2	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5 ở 20^oC)	mg/L	≤ 35		
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 90		
	hoặc Tổng Cacbon hữu cơ (TOC)	mg/L	≤ 45		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 60		
5	Amoni ($N\text{-}NH_4^+$), tính theo N	mg/L	≤ 8,0		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 30		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L			
	Nguồn nước tiếp nhận khác		≤ 6,0		
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	≤ 5.000		
9	Sunfua (S^{2-})	mg/L	≤ 0,5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 5,0		
Chú thích: Tổ chức, cá nhân được lựa chọn áp dụng TOC hoặc COD.					

(*): Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện quan trắc nước thải định kỳ để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải của mình.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Khu Trung tâm thương mại:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh trong tòa nhà được thu gom bằng đường ống D140 mm dẫn vào bể tự hoại để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại theo đường ống BTCT D200 chảy về hệ thống xử lý nước thải.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ khu ẩm thực, nhà hàng được thu gom bằng đường ống nhựa PVC từ D140 mm chảy đến bể tách mỡ để tách dầu mỡ. Nước thải sau bể tách dầu mỡ theo đường ống BTCT D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động rửa tay, vệ sinh sàn được thu gom bằng các ống PVC đường kính D110 chảy ra hố ga thu gom nước thải. Sau đó, nước thải theo ống BTCT D200 tự chảy hệ thống xử lý nước thải.

- Khu nhà phố Shophouse:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC D140 mm dẫn vào bể tự hoại để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại theo đường ống BTCT D200 chảy về hệ thống xử lý nước thải.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động rửa tay, tắm giặt,... được thu gom bằng các ống PVC đường kính D110 chảy ra hố ga thu gom nước thải. Sau đó, nước thải theo ống BTCT D200 tự chảy hệ thống xử lý nước thải.

- Khối lượng các hạng mục công trình về thu gom, xử lý sơ bộ và thoát nước thải tại cơ sở như sau:

Stt	Tên hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Bể tự hoại khu Trung tâm thương mại	Cái	1
2	Bể tự hoại khu Shophouse	Cái	57
3	Bể tách dầu mỡ	Cái	1
4	Đường ống BTCT D200 thu gom nước thải	m	793
5	Ống BTCT D300 thoát nước thải sau xử lý đến cống thoát nước chung	m	56

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải.

- Kích thước, số lượng:

+ 01 bể ở khu Trung tâm thương mại, kích thước: 2 m x 2 m x 7,1 m.

+ 57 bể/57 lô nhà phố Shophouse, kích thước 01 bể: 1,2 m x 0,8 m x 3,1 m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ: 01 bể tại Trung tâm thương mại.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn tách dầu mỡ → Ngăn lắng → Hệ thống xử lý nước thải.

- Kích thước bể: 3 m x 2,5 m x 1,5 m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Hệ thống xử lý nước thải khu Trung tâm thương mại:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hoà → Bể sinh học thiếu khí & hiếu khí AO → Bể lắng thứ cấp → Bể trung gian → Lọc thô → Bể khử trùng → Cống thoát nước chung trên đường Cô Bắc.

+ Công suất thiết kế: 110 m^3/ngày.đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước Javen (NaOCl), NaOH với khối lượng 330 g/ngày (hoặc các hoá chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.6 phần A Phụ lục này).

- Hệ thống xử lý nước thải khu Shophouse:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Cống thoát nước chung trên đường Cô Bắc.

+ Công suất thiết kế: 35 m^3/ngày.đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không, hệ thống khử trùng bằng Ozone.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải thường xuyên, theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Theo dõi, ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống hàng ngày vào sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo hiệu quả xử lý cũng như ghi nhận các bất thường để có hướng xử lý kịp thời.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống dẫn nước; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị đang sử dụng của hệ thống xử lý nước thải để thay thế, sửa chữa kịp thời máy móc hư hỏng.

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng khắc phục sự cố; trường hợp xảy ra sự cố không thể sửa chữa trong ngày thì phải thực hiện lưu chứa nước thải trong bể, không được xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn xả thải ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở về hệ thống xử lý nước thải để xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép

của chất ô nhiễm tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả trực tiếp nước thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Hệ thống xử lý nước thải phải có đồng hồ đo lưu lượng đầu ra và khuyến khích thực hiện các biện pháp kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải như: Có công tơ điện độc lập, nhật ký vận hành xử lý (ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng đầu ra, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hoá chất sử dụng. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm).

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này khi xả ra ngoài môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ các khu vực ăn uống trong Trung tâm thương mại (nguồn không phải xử lý).

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng 2.000 KVA (nguồn không phải xử lý)

- Nguồn số 03: Khí thải, mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải khu Trung tâm thương mại.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả thải:

Nguồn số 03: Trong khu Trung tâm thương mại, tọa độ: X = 1106283; Y = 563539 *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $104^0 30'$, múi chiếu 3^0).*

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.500 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Thường xuyên, liên tục. Khí thải được xả ra môi trường theo đường ống uPVC D160 tại tầng mái của tòa nhà, xả liên tục khi hệ thống, thiết bị tương ứng hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (Kp = 1; Kv = 0,6) đến hết ngày 31/12/2031, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Hydro sunphua, H_2S	mg/Nm^3	4,5	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm^3	30		

Từ ngày 01/01/2032, chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải, mùi hôi phát sinh từ các bể xử lý yếm khí, bể thu gom, bể điều hòa, cụm bể xử lý sinh học trong hệ thống xử lý nước thải khu Trung tâm thương mại được thu gom bằng quạt hút 1.500 m^3/giờ và hệ thống đường ống nhựa uPVC D150-200 mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi) → Quạt hút ly tâm → Ống thu gom → Tháp hấp phụ → Ống thải.

- Lưu lượng thiết kế: 1.500 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương bào đảm chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh them chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom và xử lý mùi hôi, khí thải và máy phát điện dự phòng.

- Trường hợp xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân nhằm sửa chữa, khắc phục kịp thời để tiếp tục hoạt động.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải, mùi hôi phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải, mùi hôi theo phương án xử lý của cơ sở.

3.3. Định kỳ thay thế vật liệu hấp phụ là than hoạt tính trong tháp hấp phụ, than được thu gom và xử lý đúng quy định.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầy quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả mùi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của các máy móc trong hệ thống xử lý nước thải 110 m^3/ngày.

- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của các máy móc trong hệ thống xử lý nước thải 35 m^3/ngày.

- Nguồn số 03: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
2	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt
2	70	60	-	Khu vực thông thường

Từ ngày 01/01/2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Các máy móc thiết bị đã được thiết kế với các chân đế, bộ phận chống rung động đảm bảo theo quy định. Các máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải 35 m^3/ngày.đêm được đặt âm dưới đất, máy phát điện và máy móc thiết bị hệ thống xử lý nước thải 110 m^3/ngày.đêm được đặt trong phòng riêng để hạn chế ồn. Cơ sở thực hiện chế độ bảo dưỡng theo hướng dẫn và khuyến cáo của nhà sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn, hiệu chuẩn đối với các thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	04
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	14
3	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	05
4	Hộp mực in thải	08 02 04	03
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	05
6	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	20

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy thùng, giấy vụn, bọc nylon, bao bì, vật liệu nhựa, chai lọ thủy tinh khong chứa thành phần nguy hại…	450
2	Bùn thải từ các hệ thống xử lý nước thải	450
3	Dầu mỡ thải từ bể tách dầu mỡ khu Trung tâm thương mại	20
4	Bùn từ bể tự hoại khu Trung tâm thương mại, nạo vét cống rãnh	1.500

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 15 tấn/tháng.

Chủ cơ sở chỉ chịu trách nhiệm thu gom, hợp đồng xử lý đối với chất thải rắn phát sinh trong khu Trung tâm thương mại, đối với các lô nhà ở thương mại khu Shophouse, mỗi hộ gia đình sẽ tự trang bị thùng chứa rác tại nhà và trả phí thu gom, xử lý cho đơn vị thu gom, xử lý của địa phương.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho lưu chứa trong nhà: Kho xây tại tầng hầm khu Trung tâm thương mại, có tường gạch, nền chống thấm, cửa khóa kín, biển báo… Trong kho bố trí các thùng chứa có dán nhãn tên, mã chất thải; bố trí các thiết bị phòng cháy chữa cháy và sự cố tràn đổ (Bình chữa cháy xách tay, thùng cát…).

- Diện tích kho: 15 m^2.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho lưu chứa: Kho được xây dựng tường bao quanh, nền chống thấm, có cửa đóng kín tại tầng hầm khu Trung tâm thương mại.

- Diện tích kho: 15 m^2.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Kho lưu chứa: Kho được xây dựng tường bao quanh, nền chống thấm, có cửa đóng kín tại tầng hầm khu Trung tâm thương mại.

- Diện tích kho: 15 m^2.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

- Thực hiện thu gom định kỳ bùn thải từ hệ thống bể tự hoại, bể tách mỡ trong khu Trung tâm thương mại, bùn thải từ các hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không còn hạng mục, công trình cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và các quy định của địa phương. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Máy phát điện dự phòng được bố trí tại khu vực riêng. Không sử dụng môi chất lạnh cho hệ thống điều hòa không khí nằm trong danh mục cấm; vận hành máy phát điện dự phòng đảm bảo không gây ảnh hưởng đến hoạt động của cơ sở và các đối tượng xung quanh.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.